TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GD** **TỈNH TN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24- 6-2019
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GD, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trương Thị Bình.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Trọn;
2. Bà Trần Thị Đào.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Lê Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD tham gia phiên tòa:***

Ông Võ Văn Sỹ– Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 393/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXX-ST, ngày 11 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Kim L, sinh năm: 1977; địa chỉ cư trú: Tổ 02, ấp DL, xã TD, huyện GD, tỉnh TN; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn K, sinh năm: 1969; địa chỉ cư trú: Tổ 02, ấp DL, xã TD, huyện GD, tỉnh TN; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22-5-2019 quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Ngô Kim L trình bày:

Chị và anh K chung sống với nhau năm 1992, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới nhưng có tổ chức lễ phạt. Nữ trang trong lễ phạt gồm 01 đôi bông tai, hiện đôi bông không còn do hai vợ chồng đã bán. Vợ chồng không đăng ký kết hôn và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị sống tại nhà cha

mẹ chị L. Vợ chồng chung sống đến năm 2009 anh K bỏ nhà đi do vợ chồng bất đồng ý kiến, không hòa hợp, thường xuyên gây gỗ, anh chị ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Nay chị xin ly hôn với anh K.

Về con chung: Qúa trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Kim Khanh, sinh ngày 18-12-1993 và Lê Văn Kim Dũng, sinh ngày 14-6-1996. Hiện cháu Khanh và cháu Dũng đã trưởng thành và có khả năng lao động tự sinh sống được. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Chị không yêu cầu giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 03-6-2019 và biên bản hòa giải ngày 10-6-2019, anh Lê Văn K trình bày: Anh và chị L chung sống với nhau từ năm 1992, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn. Năm 2009 anh chị ly thân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, thường xuyên gây gỗ. Nay chị L yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung như chị L trình bày là đúng, con chung đã trưởng thành, tự lao động tự sinh sống được. Anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân tham gia Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị L, bị đơn anh K có yêu cầu giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị không công nhận chị L và anh K là vợ chồng. Hai con chung đã trưởng thành, tự lao động tự sinh sống được, chị L và anh K không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung và nợ chung: Anh chị khai không có, nên không giải quyết. Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Ngô Kim L và anh Lê Văn K yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp chị L và anh K vắng mặt tại phiên tòa có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

[2] Về hôn nhân: Chị Ngô Kim L và anh Lê Văn K tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 không đăng ký kết hôn. Xét thấy chị L và anh K có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng anh chị không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nên theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị chị L và anh K.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Kim Khanh, sinh ngày 18-12-1993 và Lê Văn Kim Dũng, sinh ngày 14-6-1996. Hiện cháu Khanh và cháu Dũng đã trưởng thành và có khả năng lao động tự sinh sống được. Chị L và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị khai không có, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 147, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không công nhận chị Ngô Kim L và anh Lê Văn K là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Kim Khanh, sinh ngày 18-12-1993 và Lê Văn Kim Dũng, sinh ngày 14-6-1996. Hiện cháu Khanh và cháu Dũng đã trưởng thành và có khả năng lao động tự sinh sống được. Chị L và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh K khai không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ngô Kim L chịu 300.000 đồng án phí. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009225 ngày 22-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD, chị L đã nộp đủ.

Chị L và anh K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Bình

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- CC THADS huyện GD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Bình